Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)
Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐
Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán học tính toán

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Ông Thanh Hải
2. Ngày tháng năm sinh: 31/03/1984; Nam ☑; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐
4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Nghệ An
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 622/44, Cộng Hòa, phường 13, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Chung cư SaigonRes, 188, Nguyễn Xí, phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0909696680;
E-mail: othai@hcmus.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
Từ tháng, năm 03,2013 đến tháng, năm 06,2024: Giảng viên tại Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG-HCM
Chức vụ hiện nay: Phó trưởng bộ môn Giải Tích; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng bộ môn Giải Tích
Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG-HCM
Địa chỉ cơ quan: 227, Nguyễn Văn Cừ, phường 4, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại cơ quan:
Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):
8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...
Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):
Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):
9. Trình độ đào tạo:
- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 15 tháng 09 năm 2006, số văn bằng: 9TT/9-2006, ngành: Toán - Tin học, chuyên ngành: Giải tích

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG-HCM, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 07 tháng 06 năm 2010, số văn bằng: ORLEANS 7095673, ngành: Toán, chuyên ngành: Toán ứng dụng

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Orleans, Pháp.

- Được cấp bằng TS [5] ngày 03 tháng 05 năm 2013, số văn bằng: UPEST 10390106, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán ứng dụng

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Paris - Est, Pháp

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 13 bài báo khoa học, trong đó 13 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
Không có			

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tôi tự đánh giá đã đạt chuẩn và hoàn thành tốt nhiệm vụ của một nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm 3 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	**Phụ**			**ĐH**	**SĐH**	
1	2018 - 2019			1	4	514	16.5	530.5/938.68/270
2	2019 - 2020				4	520	93.5	613.5/953.52/270
3	2020 - 2021				1	525.5	33.5	559/794.7/270
03 năm học cuối								
4	2021 - 2022				3	370.5	131.5	502/654.19/270
5	2022 - 2023		1	1	2	542	93.5	635.5/928.92/270
6	2023 - 2024	1			3	733.5	76.5	810/1134.93/300

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm
- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Pháp năm 2012

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:
- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	**Họ tên NCS hoặc**	**Đối tượng**	**Trách nhiệm hướng dẫn**	**Thời gian hướng dẫn**	**Cơ sở đào tạo**	**Ngày, tháng, năm**

	HVCH/CK2/BSNT	NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ	từ ... đến ...		được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
1	Hồ Thị Kim Vân		X	X		01/2018 đến 08/2018	Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG-HCM	30/12/2019
2	Lê Thị Tuyết Nhung		X	X		06/2022 đến 11/2022	Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG-HCM	26/04/2023
3	Võ Đức Cẩm Hải	X		X		12/2016 đến 03/2024	Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG-HCM	07/06/2024
4	Nguyễn Đức Phương	X			X	12/2019 đến 03/2023	Trường Đại học Khoa Học Tự Nhiên, ĐHQG-HCM	17/08/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả

Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	ĐT: Phương pháp phân chia miền và phần tử hữu hạn trung tâm cho các bài toán cơ học	CN	C2016-18-08, cấp Cơ sở	1/4/2016 đến 30/04/2018	Ngày nghiệm thu 17/5/2018 Xếp loại xuất sắc
2	ĐT: Phát triển các phương pháp số cho phương trình đạo hàm riêng	CN	C2021-18-01, cấp Cơ sở	1/2/2021 đến 28/2/2023	Ngày nghiệm thu 10/1/2023. Xếp loại xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	A cell-centered scheme for heterogeneous anisotropic diffusion problems on general meshes	2	Có	International Journal On Finite Volume	Tạp chí quốc tế uy tín - Hệ thống CSDL quốc tế khác	4	8 1-40	03/2012
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
2	On stability, convergence and accuracy of bES-FEM and bFS-FEM for nearly incompressible elasticity	5	Có	Computer Methods in Applied Mechanics and Engineering	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 7.2, Q1*	18	285 315-345	03/2015
3	A staggered cell-centered finite element method for compressible	4	Có	Siam Journal on Numerical Analysis	Trong danh sách các tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn	1	53, 4, 2051-2073	01/2015

	and nearly incompressible linear elasticity on general meshes				cao và có uy tín cao của HDGSNN ngành Toán, 2023 - ISI *IF: 1.7, Q1*			
4	A low-order finite element method for three dimensional linear elasticity problems with general meshes	3	Có	Computers and Mathematics with Applications	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 3.2 , Q1*	1	74, 6, 1379-1398.	09/2017
5	Dynamic responses of Euler-Bernoulli beam subjected to moving vehicles using isogeometric approach	3	Không	Applied Mathematical Modelling	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 5, Q1*	29	51 405-428	11/2017
6	Isogeometric analysis for nonlinear buckling of FGM plates under various types of thermal gradients	3	Không	Thin-Walled Structures	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 6.4, Q1*	21	137 448-462	04/2019
7	A monotone nonlinear cell-centered finite element method for anisotropic diffusion problems	3	Có	Electronic Journal Differential Equations	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 0.7, Q3*		2019, 122, 1-23	12/2019
8	Optimized Schwarz and finite element cell-centered method for heterogeneous anisotropic diffusion problems	2	Có	Applied Numerical Mathematics	Trong danh sách các tạp chí quốc tế có hệ số trích dẫn cao và có uy tín cao của HDGSNN ngành Toán,	1	151 380 - 401	05/2020

					2023 - ISI *IF: 2.8, Q1*			
9	A novel cell-centered approach of upwind types for convection diffusion equations on general meshes	3	Có	International Journal of Computational Methods	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 1.7, Q2*	1	18, 7, 2150019	03/2021
10	A new approach to reduce transverse shear locking of Reissner–Mindlin plate based on the cell-centered finite element method	2	Có	International Journal of Computational Methods.	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 1.7, Q2*		19, 9, 2250017	05/2022
11	A staggered cell-centered finite element method for Stokes problems with variable viscosity on general meshes	2	Có	Numerical Methods for Partial Differential Equations	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 3.9, Q1*		39, 2, 1729-1766	03/2023
12	Nonlinear thermal buckling analysis of temperature-dependent porous annular and circular microplates reinforced by graphene platelets by using isogeometric analysis method	3	Không	Engineering Structures	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 5.582, Q1*		305 117738	04/2024

13	An enhanced flux continuity three-dimensional finite element method for heterogeneous and anisotropic diffusion problems on general meshes	4	Có	Journal of Engineering Mathematics	Tạp chí quốc tế uy tín - ISI *IF: 1.3, Q2*		145, 16	03/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 9 ([2] [3] [4] [7] [8] [9] [10] [11] [13])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):
- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:
- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 06 năm 2024

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)